

Nghệ An, ngày 12 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định về hỗ trợ thương mại hóa kết quả
nghiên cứu khoa học của Trường Đại học Y khoa Vinh

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA VINH

Căn cứ Luật khoa học và công nghệ số 29/2013/QH14 ngày 18/6/2013

Căn cứ Luật sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29/11/2005 và các Luật sửa
đổi năm 2009, 2019 và 2022.

Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ
sung một số điều của Luật Giáo dục đại học số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018;

Căn cứ Quyết định số 1150/QĐ-ĐHYKV, ngày 31/12/2019 về Quy chế Tổ chức
và hoạt động của Trường Đại học Y khoa Vinh

Căn cứ Nghị định số 109/2022/NĐ-CP của Chính phủ Quy định về hoạt động khoa
học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học;

Xét đề nghị của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Y khoa Vinh

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý khoa học và hợp tác quốc tế

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy định về hỗ trợ thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học
của Trường Đại học Y khoa Vinh

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các quy định trước đây liên
quan đến quy định này đều hết hiệu lực kể từ khi Quyết định này có hiệu lực.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường; viên chức,
người lao động thuộc Trường và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết
định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Trang thông tin điện tử (để thông báo);
- Lưu: VT, QLKH&HTQT.



QUY ĐỊNH

Về hỗ trợ thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học của Trường Đại học Y khoa Vinh

(Kèm theo Quyết định số ~~594~~ **594** QĐ-ĐHYKV ngày 12 tháng 1 năm 2024 của Hiệu trưởng
Trường Đại học Y khoa Vinh)

CHƯƠNG 1

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích

1. Khuyến khích thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, sáng tạo các sản phẩm khoa học và công nghệ có giá trị ứng dụng, có khả năng chuyển giao, khai thác thương mại hoặc phát triển thành các sản phẩm, dịch vụ phục vụ cộng đồng.

2. Hỗ trợ các nhà khoa học đưa kết quả nghiên cứu vào ứng dụng thực tiễn trong lĩnh vực y tế, giáo dục, sản xuất, kinh doanh và các lĩnh vực khác có liên quan

3. Gắn hoạt động nghiên cứu khoa học với nhu cầu xã hội, doanh nghiệp và thị trường, tăng cường liên kết giữa nhà trường với các tổ chức, doanh nghiệp trong quá trình nghiên cứu.

4. Tạo nguồn thu hợp pháp, bền vững từ hoạt động nghiên cứu khoa học để tái đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ, phát triển tiềm lực nghiên cứu các nhóm nghiên cứu.

5. Nâng cao uy tín, vị thế và năng lực đổi mới sáng tạo của Nhà trường

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định hỗ trợ thương mại hóa kết quả nghiên cứu, đổi mới sáng tạo tại Trường Đại học Y khoa Vinh

2. Quy định áp dụng với các đơn vị, cá nhân tham gia học tập, giảng dạy hoạt động khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo tại Trường Đại học Y khoa Vinh và các cá nhân, tổ chức có quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm liên quan

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Kết quả nghiên cứu khoa học* là các sản phẩm được tạo ra từ hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, bao gồm nhưng không giới hạn ở: sáng chế, giải pháp hữu ích, quy trình kỹ thuật, quy trình chuyên môn, phần mềm, cơ sở dữ liệu, thiết bị, mô hình, sản phẩm thử nghiệm, tài liệu hướng dẫn chuyên môn, giống cây trồng, vật liệu mới và các dạng tài sản trí tuệ khác.

2. *Thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học* là quá trình chuyển đổi kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ thành các sản phẩm, dịch vụ hoặc công nghệ có giá trị kinh tế - xã hội thông qua các hoạt động bảo hộ sở hữu trí tuệ, hoàn thiện công nghệ, sản xuất thử nghiệm, chuyển giao công nghệ, cấp phép khai thác, góp vốn bằng tài sản trí tuệ hoặc các hình thức khai thác hợp pháp khác.

3. *Chuyển giao công nghệ* là việc chuyển quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng công nghệ từ bên có quyền chuyển giao sang bên nhận công nghệ thông qua hợp đồng hoặc các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

4. *Tài sản trí tuệ* là các tài sản vô hình phát sinh từ hoạt động sáng tạo trí tuệ, bao gồm quyền tác giả, quyền liên quan đến quyền tác giả, sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, bí mật kinh doanh, phần mềm máy tính và các đối tượng sở hữu trí tuệ khác theo quy định của pháp luật.

5. *Sản phẩm khoa học và công nghệ có tiềm năng thương mại hóa* là kết quả nghiên cứu đã được chứng minh về tính mới, tính khả thi, hiệu quả ứng dụng và có khả năng được tổ chức, doanh nghiệp hoặc thị trường tiếp nhận để khai thác, sử dụng hoặc chuyển giao.

6. *Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ* là hoạt động đăng ký xác lập quyền hoặc áp dụng các biện pháp pháp lý nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp đối với các tài sản trí tuệ được tạo ra từ hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ.

7. *Hỗ trợ thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học* là việc Nhà trường áp dụng các cơ chế, chính sách và nguồn lực nhằm hỗ trợ tác giả, nhóm nghiên cứu hoặc đơn vị chủ trì trong các hoạt động bảo hộ sở hữu trí tuệ, hoàn thiện công nghệ, thử nghiệm, xúc tiến chuyển giao, tìm kiếm đối tác, quảng bá sản phẩm và các hoạt động cần thiết khác để đưa kết quả nghiên cứu vào thực tiễn.

Điều 4. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ, sở hữu trí tuệ và các quy định có liên quan. Kết quả nghiên cứu được hỗ trợ thương mại hóa phải

có nguồn gốc rõ ràng, xác định được quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp, không phát sinh tranh chấp về quyền tác giả, quyền sở hữu trí tuệ hoặc các quyền liên quan.

2. Bảo đảm công khai, minh bạch, đúng mục đích và hiệu quả. Việc tiếp nhận hồ sơ, đánh giá, lựa chọn, hỗ trợ và quản lý kinh phí hỗ trợ phải được thực hiện công khai, minh bạch, khách quan và đúng quy trình. Nguồn kinh phí hỗ trợ được sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng và bảo đảm hiệu quả trong việc thúc đẩy quá trình hoàn thiện, ứng dụng và thương mại hóa kết quả nghiên cứu.

3. Khuyến khích đổi mới sáng tạo, gắn với hiệu quả kinh tế – xã hội, ưu tiên hỗ trợ các kết quả nghiên cứu có tính mới, tính sáng tạo, có khả năng ứng dụng cao, giải quyết các vấn đề thực tiễn của ngành, địa phương và xã hội. Khuyến khích các nghiên cứu có khả năng hình thành tài sản trí tuệ, sản phẩm công nghệ, doanh nghiệp khởi nguồn (spin-off) hoặc hợp đồng chuyển giao công nghệ.

4. Đảm bảo hài hòa lợi ích giữa Nhà trường, tác giả và các bên liên quan

5. Tác giả hoặc nhóm nghiên cứu được hỗ trợ có trách nhiệm chủ động phối hợp với Nhà trường trong việc hoàn thiện hồ sơ sở hữu trí tuệ, triển khai các hoạt động thương mại hóa, sử dụng hiệu quả nguồn kinh phí hỗ trợ và báo cáo kết quả thực hiện theo quy định. Việc hỗ trợ của Nhà trường không thay thế trách nhiệm của tác giả trong việc phát triển và khai thác kết quả nghiên cứu.

CHƯƠNG II

NỘI DUNG HỖ TRỢ THƯƠNG MẠI HÓA

Điều 5. Hỗ trợ trong giai đoạn chuẩn bị thương mại hóa

Trường hỗ trợ cho các kết quả nghiên cứu được phê duyệt thương mại hóa các nội dung sau:

1. Hỗ trợ tư vấn hoàn thiện sản phẩm, công nghệ: Hoàn thiện tính năng kỹ thuật của sản phẩm; Hoàn thiện hồ sơ kỹ thuật, tài liệu hướng dẫn sử dụng; Tư vấn các yêu cầu về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng và an toàn sản phẩm; Tư vấn các điều kiện pháp lý cần thiết trước khi đưa sản phẩm vào ứng dụng hoặc lưu hành.

2. Hỗ trợ đánh giá tiềm năng ứng dụng và khả năng thương mại hóa thông qua đánh giá nhu cầu thị trường đối với sản phẩm hoặc công nghệ; Định hướng khai thác, phát triển và thương mại hóa phù hợp

3. Hỗ trợ tra cứu thông tin sáng chế và đánh giá khả năng bảo hộ sở hữu trí tuệ,

đánh giá tính mới, tính sáng tạo và khả năng bảo hộ của kết quả nghiên cứu; tư vấn lựa chọn hình thức bảo hộ phù hợp đối với từng loại tài sản trí tuệ.

4. Hỗ trợ xây dựng hồ sơ đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ, gồm hỗ trợ hoàn thiện các biểu mẫu, tài liệu pháp lý theo quy định; Hỗ trợ thực hiện các thủ tục nộp đơn đăng ký bảo hộ tại cơ quan có thẩm quyền; Hỗ trợ theo dõi quá trình thẩm định và xử lý các yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ (nếu có).

5. Hỗ trợ kết nối chuyên gia, doanh nghiệp và đối tác tiềm năng như cơ sở sản xuất, bệnh viện, cơ sở y tế và các tổ chức có nhu cầu ứng dụng kết quả nghiên cứu; Hỗ trợ tham gia các hội nghị, hội thảo, diễn đàn kết nối cung - cầu công nghệ;

Điều 6. Hỗ trợ thử nghiệm và sản xuất thử

1. Hỗ trợ kinh phí thử nghiệm, sản xuất thử, hoàn thiện công nghệ

Căn cứ nguồn kinh phí được bố trí hằng năm để hỗ trợ một phần hoặc toàn bộ kinh phí phục vụ hoạt động thử nghiệm, sản xuất thử và hoàn thiện công nghệ, bao gồm:

Chi phí mua nguyên vật liệu, hóa chất, vật tư tiêu hao phục vụ thử nghiệm; Chi phí chế tạo mẫu thử, sản phẩm mẫu hoặc mô hình thử nghiệm; Chi phí thuê chuyên gia, tư vấn kỹ thuật phục vụ hoàn thiện công nghệ; Chi phí kiểm nghiệm, hiệu chuẩn, đánh giá tính năng sản phẩm; Chi phí thử nghiệm thực tế tại đơn vị ứng dụng hoặc cơ sở tiếp nhận công nghệ và các khoản chi hợp pháp khác liên quan trực tiếp đến quá trình hoàn thiện sản phẩm và công nghệ.

Mức hỗ trợ cụ thể do Hiệu trưởng quyết định trên cơ sở đề xuất của đơn vị quản lý khoa học và khả năng cân đối nguồn kinh phí của Nhà trường.

2. Hỗ trợ sử dụng cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm và trang thiết bị của Nhà trường

Nhà trường tạo điều kiện cho nhóm nghiên cứu sử dụng phòng thí nghiệm, phòng thực hành, trung tâm nghiên cứu; cơ sở dữ liệu khoa học; không gian làm việc, cơ sở hạ tầng phục vụ nghiên cứu và đổi mới sáng tạo và các điều kiện kỹ thuật khác phù hợp với yêu cầu của từng sản phẩm nghiên cứu trong khả năng đáp ứng của Nhà trường

Việc sử dụng cơ sở vật chất phải tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà trường về quản lý tài sản, an toàn lao động, an toàn sinh học và bảo mật thông tin.

3. Hỗ trợ tư vấn kỹ thuật, an toàn và đạo đức nghiên cứu

Nhà trường hỗ trợ kết nối nhằm bảo đảm quá trình thử nghiệm và sản xuất thử được thực hiện đúng quy định chuyên môn và pháp luật hiện hành, bao gồm: tư vấn hoàn thiện quy trình kỹ thuật và công nghệ; Tư vấn về các yêu cầu pháp lý liên quan đến sản phẩm

và công nghệ; Tư vấn về đạo đức nghiên cứu, đạo đức trong thử nghiệm trên người hoặc động vật (nếu có);

Đối với các sản phẩm thuộc lĩnh vực y sinh, dược phẩm, thiết bị y tế và khoa học sức khỏe, việc thử nghiệm phải tuân thủ các quy định của pháp luật và quy định của Hội đồng Đạo đức trong nghiên cứu y sinh học.

4. Hỗ trợ đánh giá chất lượng và tiêu chuẩn kỹ thuật của sản phẩm

Nhà trường hỗ trợ hoặc giới thiệu các đơn vị có chức năng để thực hiện việc đánh giá chất lượng sản phẩm, công nghệ trước khi đưa vào ứng dụng hoặc thương mại hóa, bao gồm: Đánh giá các chỉ tiêu kỹ thuật, chỉ tiêu an toàn và hiệu quả sử dụng; Đánh giá khả năng đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành; Hỗ trợ xây dựng hồ sơ công bố tiêu chuẩn cơ sở hoặc các hồ sơ chất lượng theo quy định; Hỗ trợ chuẩn bị hồ sơ phục vụ đăng ký lưu hành, chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy hoặc các thủ tục pháp lý khác có liên quan.

5. Kết quả sau giai đoạn hỗ trợ thử nghiệm và sản xuất thử

Kết quả nghiên cứu được xem là hoàn thành giai đoạn thử nghiệm và sản xuất thử khi đáp ứng một hoặc nhiều tiêu chí sau: Hoàn thiện được sản phẩm mẫu hoặc quy trình công nghệ ổn định; Có báo cáo đánh giá kết quả thử nghiệm và khả năng ứng dụng thực tế; Có hồ sơ kỹ thuật phục vụ chuyển giao hoặc thương mại hóa; Có đối tác quan tâm tiếp nhận, hợp tác đầu tư hoặc chuyển giao công nghệ; Đủ điều kiện để chuyển sang giai đoạn xúc tiến thương mại hóa theo quy định của Nhà trường.

Điều 7. Hỗ trợ chuyển giao và thương mại hóa

1. Hỗ trợ tư vấn định giá và lựa chọn hình thức thương mại hóa

a) Hỗ trợ định giá kết quả nghiên cứu: liên hệ, giới thiệu các đơn vị có chức năng, khả năng tư vấn xác định giá trị công nghệ, tài sản trí tuệ hoặc kết quả nghiên cứu;

b) Hỗ trợ lựa chọn hình thức thương mại hóa phù hợp với đặc điểm của từng kết quả nghiên cứu, bao gồm: chuyển giao quyền sở hữu công nghệ, chuyển giao quyền sử dụng công nghệ, hợp tác sản xuất, kinh doanh với doanh nghiệp; góp vốn bằng tài sản trí tuệ hoặc công nghệ và các hình thức khai thác hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Hỗ trợ đàm phán và ký kết hợp đồng chuyển giao công nghệ

Nhà trường hỗ trợ các tác giả, nhóm nghiên cứu trong quá trình làm việc với đối tác nhằm bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các bên. Nội dung hỗ trợ bao gồm: tư vấn

pháp lý liên quan đến hoạt động chuyển giao công nghệ, hỗ trợ xây dựng phương án hợp tác và chuyển giao; hỗ trợ xây dựng hợp đồng chuyển giao công nghệ, hợp đồng cấp phép sử dụng hoặc các thỏa thuận hợp tác liên quan; hỗ trợ giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình đàm phán và thực hiện hợp đồng.

3. Hỗ trợ xúc tiến thương mại và giới thiệu sản phẩm nghiên cứu

Nhà trường tạo điều kiện quảng bá, kết nối thị trường và tìm kiếm đối tác tiếp nhận kết quả nghiên cứu thông qua các hoạt động tổ chức hoặc hỗ trợ tham gia hội nghị, hội thảo, triển lãm khoa học và công nghệ, giới thiệu sản phẩm trên các phương tiện truyền thông, website và các kênh thông tin của Nhà trường; giới thiệu sản phẩm tới các doanh nghiệp, bệnh viện, cơ sở y tế, tổ chức khoa học và công nghệ hoặc các nhà đầu tư tiềm năng; tham gia các chương trình khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, cuộc thi đổi mới sáng tạo và các chương trình hỗ trợ của cơ quan nhà nước.

CHƯƠNG III QUY TRÌNH ĐỀ XUẤT VÀ PHÊ DUYỆT HỖ TRỢ

Điều 8. Đề xuất hỗ trợ thương mại hóa

1. Đối tượng đề xuất

Tác giả, nhóm tác giả, nhóm nghiên cứu hoặc đơn vị chủ trì có kết quả nghiên cứu khoa học, công nghệ thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp của Nhà trường và có nhu cầu thương mại hóa được quyền đề xuất hỗ trợ theo quy định này.

2. Hồ sơ đề xuất hỗ trợ thương mại hóa

a) Đơn đề nghị hỗ trợ thương mại hóa kết quả nghiên cứu

b) Báo cáo hoặc thuyết minh kết quả nghiên cứu, trong đó nêu rõ:

Tên kết quả nghiên cứu, sản phẩm hoặc công nghệ;

Nguồn gốc hình thành kết quả nghiên cứu;

Hiện trạng phát triển của sản phẩm hoặc công nghệ;

Tình trạng sở hữu trí tuệ (nếu có)

Kết quả ứng dụng, thử nghiệm hoặc chuyển giao đã thực hiện;

Các tài liệu, minh chứng liên quan.

c) Phương án thương mại hóa, bao gồm:

Mục tiêu thương mại hóa;

Đối tượng khách hàng hoặc đối tác tiềm năng;

Nhu cầu thị trường và khả năng cạnh tranh của sản phẩm;

Hình thức thương mại hóa dự kiến (chuyển giao công nghệ, cấp phép sử dụng, hợp tác sản xuất, thành lập doanh nghiệp hoặc hình thức khác)

Kế hoạch triển khai và lộ trình thực hiện;

Dự kiến hiệu quả kinh tế, xã hội.

d) Dự toán kinh phí đề nghị hỗ trợ, trong đó xác định rõ:

Nội dung đề nghị hỗ trợ;

Kinh phí đề nghị hỗ trợ;

Nguồn kinh phí đối ứng của nhóm nghiên cứu hoặc đối tác (nếu có);

Kế hoạch sử dụng kinh phí.

đ) Các tài liệu khác có liên quan (nếu có), như: Văn bằng bảo hộ sở hữu trí tuệ, hợp đồng nguyên tắc hoặc thư bày tỏ quan tâm của đối tác, kết quả đánh giá công nghệ, báo cáo thử nghiệm, kiểm nghiệm hoặc đánh giá chất lượng sản phẩm, các tài liệu chứng minh khả năng thương mại hóa.

3. Tiếp nhận hồ sơ

Hồ sơ đề xuất hỗ trợ thương mại hóa được gửi đến phòng Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế (QLKH&HTQT) của Nhà trường để xem xét, thẩm định và trình cấp có thẩm quyền quyết định. phòng QLKH&HTQT có trách nhiệm: kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ, hướng dẫn tác giả hoặc nhóm nghiên cứu hoàn thiện hồ sơ (nếu cần); trình Hội đồng chuyên môn xem xét.

Điều 9. Thẩm định và phê duyệt hỗ trợ thương mại hóa

1. Thành lập Hội đồng thẩm định

Hiệu trưởng quyết định thành lập Hội đồng thẩm định đề xuất hỗ trợ thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học để xem xét, đánh giá các hồ sơ đề nghị hỗ trợ.

Hội đồng thẩm định gồm Chủ tịch, Thư ký và các thành viên là những chuyên gia có chuyên môn phù hợp trong các lĩnh vực khoa học và công nghệ, sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ, tài chính, quản trị kinh doanh hoặc các lĩnh vực liên quan đến kết quả nghiên cứu được đề xuất thương mại hóa.

Trong trường hợp cần thiết, Nhà trường có thể mời chuyên gia, nhà khoa học, đại diện doanh nghiệp hoặc tổ chức bên ngoài tham gia tư vấn hoặc phản biện độc lập.

2. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng

Hội đồng thẩm định làm việc theo nguyên tắc khách quan, độc lập, dân chủ và chịu

trách nhiệm về kết quả đánh giá. Thành viên Hội đồng có liên quan trực tiếp đến hồ sơ được thẩm định phải báo cáo và không tham gia đánh giá đối với hồ sơ đó

3. Nội dung và tiêu chí thẩm định

Hội đồng thẩm định xem xét hồ sơ đề xuất hỗ trợ thương mại hóa trên cơ sở các tiêu chí sau:

a) Tính mới và tính khả thi của kết quả nghiên cứu

Đánh giá mức độ đổi mới, sáng tạo của sản phẩm, công nghệ hoặc giải pháp nghiên cứu, mức độ hoàn thiện của công nghệ hoặc sản phẩm; khả năng triển khai trong điều kiện thực tế hoặc khả năng tiếp tục hoàn thiện để đáp ứng yêu cầu của thị trường hoặc đơn vị tiếp nhận.

b) Hiệu quả kinh tế – xã hội: khả năng tạo doanh thu hoặc giá trị gia tăng từ hoạt động thương mại hóa, khả năng tiết kiệm chi phí hoặc nâng cao hiệu quả hoạt động của đơn vị ứng dụng, tác động đối với cộng đồng, ngành nghề hoặc xã hội và đóng góp cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phát triển thương hiệu của Nhà trường.

Đối với lĩnh vực y dược và khoa học sức khỏe, ưu tiên xem xét các sản phẩm có khả năng nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe nhân dân hoặc hỗ trợ công tác đào tạo nhân lực y tế.

c) Khả năng bảo hộ và khai thác thương mại: khả năng đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, khả năng chuyển giao công nghệ hoặc cấp phép khai thác, nhu cầu của thị trường hoặc đối tác đối với sản phẩm, công nghệ; tiềm năng phát triển thành sản phẩm, dịch vụ hoặc doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

d) Năng lực triển khai phương án thương mại hóa của tác giả hoặc nhóm nghiên cứu, tính khả thi của kế hoạch thương mại hóa, khả năng phối hợp với doanh nghiệp, nhà đầu tư hoặc đối tác tiếp nhận.

đ) Tính hợp lý của nội dung và kinh phí đề nghị hỗ trợ như phù hợp giữa mục tiêu thương mại hóa và nội dung đề nghị hỗ trợ, tính cần thiết và hiệu quả của các khoản kinh phí đề xuất, khả năng huy động nguồn lực đối ứng từ nhóm nghiên cứu hoặc đối tác (nếu có).

4. Kết quả thẩm định là căn cứ để Hiệu trưởng xem xét, quyết định phê duyệt hoặc không phê duyệt hỗ trợ, hoặc hỗ trợ một phần trong quá trình thương mại hóa.

Điều 10. Giám sát và đánh giá

1. Việc sử dụng kinh phí và triển khai thương mại hóa được giám sát định kỳ

a) Việc sử dụng kinh phí hỗ trợ đúng mục đích, đúng nội dung được phê duyệt;

b) Tiến độ thực hiện các hoạt động hoàn thiện công nghệ, bảo hộ sở hữu trí tuệ, thử nghiệm, sản xuất thử, chuyển giao công nghệ và thương mại hóa;

c) Việc thực hiện các cam kết của tác giả, nhóm nghiên cứu và các bên liên quan;

d) Hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị và các nguồn lực khác của Nhà trường được giao phục vụ thương mại hóa.

Ban giám hiệu chủ trì, phòng QLKH&HTQT tham mưu thực hiện công tác giám sát định kỳ hoặc đột xuất khi cần thiết.

2. Trách nhiệm báo cáo của tác giả và nhóm nghiên cứu

a) Báo cáo định kỳ hoặc theo yêu cầu về tiến độ triển khai các hoạt động thương mại hóa.

b) Báo cáo việc sử dụng kinh phí hỗ trợ và các nguồn lực được Nhà trường cấp;

c) Báo cáo kết quả đạt được, các khó khăn, vướng mắc và đề xuất giải pháp;

d) Báo cáo kết quả cuối cùng khi hoàn thành nội dung hỗ trợ hoặc kết thúc dự án thương mại hóa.

Trường hợp phát sinh thay đổi quan trọng liên quan đến nội dung, tiến độ hoặc kinh phí thực hiện, nhóm nghiên cứu phải kịp thời báo cáo và xin ý kiến chấp thuận của Nhà trường trước khi triển khai.

3. Đánh giá hiệu quả thương mại hóa

Sau khi kết thúc giai đoạn hỗ trợ hoặc khi sản phẩm được đưa vào khai thác, ứng dụng hoặc chuyển giao, Nhà trường tổ chức đánh giá hiệu quả thương mại hóa kết quả nghiên cứu. Các nội dung đánh giá gồm:

a) Mức độ hoàn thành mục tiêu thương mại hóa đã được phê duyệt;

b) Kết quả bảo hộ và khai thác tài sản trí tuệ;

c) Kết quả chuyển giao công nghệ, hợp tác nghiên cứu hoặc ứng dụng thực tế;

d) Doanh thu, lợi nhuận hoặc các nguồn thu phát sinh từ hoạt động thương mại hóa (nếu có);

đ) Hiệu quả kinh tế, xã hội, chuyên môn và tác động đối với cộng đồng;

e) Đóng góp cho hoạt động khoa học và công nghệ, đào tạo, đổi mới sáng tạo và uy tín của Nhà trường.

4. Kết quả đánh giá là căn cứ để:

a) Xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ của nhóm nghiên cứu;

b) Thực hiện việc thanh quyết toán, phân chia lợi ích và xử lý các nghĩa vụ tài

chính theo quy định;

c) Xem xét tiếp tục hỗ trợ các giai đoạn phát triển tiếp theo của sản phẩm hoặc công nghệ;

d) Khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích trong hoạt động thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học.

Điều 11. Phân chia lợi ích từ hoạt động thương mại hóa kết quả nghiên cứu

1. Nguyên tắc phân chia lợi ích

Lợi ích phát sinh từ hoạt động thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, bao gồm doanh thu từ chuyển giao công nghệ, cấp phép sử dụng tài sản trí tuệ, góp vốn bằng tài sản trí tuệ, hợp tác khai thác kết quả nghiên cứu và các nguồn thu hợp pháp khác, được phân chia trên cơ sở:

a) Quy định của pháp luật hiện hành;

b) Quy chế quản lý hoạt động khoa học và công nghệ, sở hữu trí tuệ của Nhà trường;

c) Mức độ đóng góp của các bên trong quá trình hình thành, phát triển và thương mại hóa kết quả nghiên cứu;

d) Các thỏa thuận hợp pháp đã được ký kết giữa các bên liên quan.

2. Bảo đảm quyền lợi của tác giả và nhóm nghiên cứu

Tác giả hoặc nhóm nghiên cứu được hưởng phần lợi ích tương xứng với công sức sáng tạo, đóng góp chuyên môn và vai trò trong quá trình phát triển, hoàn thiện và khai thác kết quả nghiên cứu.

Việc phân chia lợi ích giữa các thành viên trong nhóm nghiên cứu do các thành viên tự thỏa thuận bằng văn bản; trường hợp không có thỏa thuận thì thực hiện theo tỷ lệ đóng góp được xác nhận trong hồ sơ nghiên cứu hoặc theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền của Nhà trường.

3. Phần lợi ích thuộc Nhà trường được quản lý và sử dụng theo quy định hiện hành, ưu tiên cho các mục đích sau:

a) Tái đầu tư cho hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo;

b) Hỗ trợ đăng ký, bảo hộ và khai thác tài sản trí tuệ;

c) Hỗ trợ các hoạt động thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học;

d) Đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm, trang thiết bị phục vụ nghiên cứu;

đ) Khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích trong hoạt động khoa học và công nghệ.

4. Xác định tỷ lệ phân chia lợi ích

Tỷ lệ phân chia lợi ích cụ thể được xác định căn cứ vào: Nguồn kinh phí hình thành kết quả nghiên cứu; Mức độ đầu tư của Nhà trường cho hoạt động nghiên cứu và thương mại hóa; Giá trị tài sản trí tuệ, công nghệ được khai thác; Mức độ tham gia của tác giả, nhóm nghiên cứu và các bên liên quan.

Hiệu trưởng quyết định tỷ lệ phân chia lợi ích đối với từng trường hợp cụ thể trên cơ sở đề xuất của đơn vị quản lý khoa học và công nghệ và các quy định hiện hành của Nhà trường.

5. Khuyến khích thương mại hóa kết quả nghiên cứu

Nhà trường khuyến khích áp dụng cơ chế phân chia lợi ích theo hướng ưu tiên tỷ lệ cao cho tác giả hoặc nhóm nghiên cứu nhằm tạo động lực thúc đẩy hoạt động nghiên cứu, đổi mới sáng tạo và thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học.

CHƯƠNG IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12. Trách nhiệm của các đơn vị và cá nhân

1. Trưởng các đơn vị khoa, phòng, ban, trung tâm tổ chức tuyên truyền, phổ biến về Quy định, tạo động lực cho các nhóm nghiên cứu.

2. Phòng QLKH&HTQT có trách nhiệm là đầu mối tham mưu, tổ chức thực hiện quy định này.

Điều 13. Điều khoản thi hành

1. Quy định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, khó khăn các đơn vị, cá nhân phản hồi về phòng QLKH&HTQT. Phòng QLKH&HTQT có trách nhiệm kiểm tra, trình Hiệu trưởng xem xét, sửa đổi bổ sung phù hợp. /



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Văn Tuấn